

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HSPT

Ngày: 31/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Bà Phạm Thị Hồng Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2017/HSPT ngày 07 tháng 7 năm 2017
đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số:
36/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Y, tỉnh Vĩnh
Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: A, sinh năm: 1997; trú tại: Ấp Th, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh
Long; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; con của ông C
và con bà T; bị cáo chưa có vợ con; anh, chị, em ruột có 02 người (lớn nhất sinh
năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác không có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: L, sinh năm: 1993 (chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Trúc L:

1. Ông T1, sinh năm: 1968.

2. Bà G, sinh năm: 1971.

Cùng trú tại: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh B, sinh năm: 1992.

Trú tại: Ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

2. Ông C, sinh năm: 1969.

Trú tại: Ấp Th, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. Bà R, sinh năm: 1957.

Trú tại: Ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Y và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Y thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 07/02/2016, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 59G1 - 277.90 chở phía sau anh L1 chạy từ hướng cầu PTB về ngã tư Đồng Quê. Khi đến đoạn đường trước nhà số 64A, đường PTB, phường x, thành phố Y, có xe mô tô biển kiểm soát số 64V1-4225 đang chạy cùng chiều phía trước do anh B điều khiển chở bạn gái tên L ngồi phía sau. Lúc này, bị cáo A vẫn giữ tốc độ và điều khiển xe mô tô vượt lên bên phải xe mô tô do anh B điều khiển thì xảy ra va chạm, phần xe bên trái của bị cáo A va chạm vào phần bên phải của xe mô tô do anh B điều khiển làm cho người và phương tiện đều ngã xuống đường. Bị cáo A, anh B và anh L1 chỉ bị xây xát nhẹ, còn chị L đầu đập xuống mặt đường bất tỉnh được anh B đỡ lên để đưa đi cấp cứu. Trong lúc đỡ chị L lên, chị L tuột xuống và té nằm ngửa, sau đó anh B ẵm được chị L và đưa lên xe mô tô biển kiểm soát số 64V1 - 4225 để bị cáo A điều khiển đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long cấp cứu. Ngày 08/02/2016, chị L được chuyển đến Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ điều trị, đến ngày 10/02/2016 thì chị L tử vong.

Do khi xảy ra tai nạn bị cáo A, anh B và anh L1 không trình báo với cơ quan chức năng để khám nghiệm hiện trường mà đến ngày 08/02/2016 do thấy thương tích của chị L nặng nên anh B đến Đội Cảnh sát giao thông Công an Y để trình báo vụ tai nạn giao thông và giao nộp phương tiện liên quan để cơ quan Công an xử lý.

Tiến hành kiểm tra nguồn tin, phương tiện liên quan, đến ngày 09/02/2016 Cơ quan điều tra xác định được hiện trường vụ tai nạn. Sau khi tiến hành điều tra, xác minh đầy đủ tài liệu, ngày 31/5/2016 Cơ quan điều tra tiến hành dựng lại hiện trường vụ tai nạn xác định như sau:

- Hiện trường vụ án đoạn đường thẳng, mặt đường có trải thảm nhựa rộng 7m50, có vạch sơn phân làn đường rộng 0m20, vạch sơn liền màu trắng (phân chia hai làn đường) làn đường xe ô tô rộng 3m50, làn đường xe mô tô, xe máy, xe đạp rộng 3,80m. Điểm mốc là mép đường nơi xảy ra tai nạn làm lề chuẩn, chọn trụ cột điện số A5 tại vỉa hè bên lề phải theo hướng cầu PTB đến ngã tư Đồng Quê làm điểm mốc cố định, mép đường bên phải theo chiều đi trên làm lề chuẩn. Hiện trường để lại 07 vết cày. Vết cày 1 đến vết cày 5 là của xe mô tô biển kiểm soát số 59G1 - 277.90, vết cày 6 đến vết cày 7 là của xe mô tô biển kiểm soát số 64V1 - 4225.

- Xe mô tô biển kiểm soát số 64V1 - 4225 ngã nằm trên mặt đường, đầu xe hướng ra dây phân cách cứng cố định, đuôi xe hướng vào lề chuẩn, trục bánh trước xe đo vào lề là 4,48m, trục bánh sau đo vào lề chuẩn là 3,38m, từ trục sau đo đến điểm mốc là 8,50m, bên phải xe tiếp giáp với mặt đường. Cuối vết cày 7 nằm ngang đuôi ống xả của xe, cuối vết cày 6 đo đến tâm xe là 0,40m.

- Xe mô tô biển kiểm soát số 59G1 - 277.90 (số 8) ngã tại làn đường xe mô tô, xe máy, xe đạp được đo vào lề chuẩn là 02m và đo đến trục sau xe 59G1-277.90 là 3,40m.

- Vị trí nạn nhân nữ (số 9) ngã nằm trên mặt đường, đầu hướng về ngã tư Đồng Quê, chân hướng vào tâm xe 64V1 - 4225, đỉnh đầu nạn nhân nữ vào lề là 1,15m, đến tâm xe 64V1 - 4225 là 1,40m.

- Vị trí người điều khiển xe 64V1 - 4225 (số 10) được đo vào lề chuẩn là 2,90m, đo đến đỉnh đầu nạn nhân số 9 là 1,15m và đo đến trục sau xe 64V1 - 4225 là 2,60m.

- Vị trí người ngồi sau xe 59G1 - 277.90 (số 11) nằm ngay miệng cống, đầu hướng về ngã tư Đồng Quê, chân hướng về cầu PTB, đỉnh đầu đo ra lề chuẩn là 0,30m, đo ra tâm xe 59G1 - 277.90 là 1m và đo đến đỉnh đầu nạn nhân số 9 là 3,72m.

- Vùng va chạm được xác định nằm ở làn đường xe máy, xe mô tô, xe đạp. Tâm vùng va chạm đo vào lề chuẩn là 2,35m; tâm vùng va chạm đo đến đầu vết cày 1 là 03m; tâm vùng va chạm đo đến đầu vết cày 6 là 4,55m; tâm vùng va chạm đo đến tâm xe 64V1 - 4225 là 9,60m; tâm cùng va chạm đo đến tâm xe 59G1-277.90 là 12,05m; tâm vùng va chạm đo đến đỉnh đầu nạn nhân (số 9) là 11m; tâm vùng va chạm đo đến điểm mốc là 5,65m.

Ngày 22/6/2016, tổ khám nghiệm tiến hành họp xác định lỗi và kết luận: Nguyên nhân chính trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do A điều khiển xe mô tô biển số 59G1 - 277.90 va chạm vào góc chân trước bên phải xe 64V1 -

4225 dẫn đến tai nạn, vi phạm các lỗi sau: Vượt không đúng quy định (vượt bên phải), vi phạm vào khoản 4 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, quy định: “Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái”. Điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm vào khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008. B không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 32/KNPY/2016 ngày 10/02/2016 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Vĩnh Long đã kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị L là chấn thương sọ não nặng do tai nạn giao thông (nứt xương sọ) vùng thái dương đỉnh từ trái sang phải dài 17cm, nứt xương sọ vùng đỉnh dài 4cm.

Quá trình điều tra, bị cáo A có yêu cầu làm rõ tình tiết chị L bị tuột té khi B đỡ lên đưa đi cấp cứu để xác định có liên quan đến việc chấn thương của chị L hay không. Ngày 19/10/2016, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra và có văn bản số 299/CSĐT ngày 03/11/2016 đề nghị Trung tâm giám định pháp y tỉnh Vĩnh Long trả lời nguyên nhân tử vong của chị L là do bị tai nạn giao thông hay do anh B bế lên té xuống lộ dẫn đến chấn thương sọ não tử vong. Tại Công văn số 74a/VB-PY ngày 29/11/2016 của Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Vĩnh Long đã xác định: Chị L bị chấn thương sọ não là do tai nạn giao thông gây ra, chấn thương này do lực tác động mạnh (tai nạn giao thông), việc khi cấp cứu bế lên té xuống không đủ lực để tạo nên vết thương.

Về vật chứng: Xe mô tô 59G1-277.90 là xe do bị cáo A mua của anh LHV, sinh năm 1993, trú tại số C6/16, ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/11/2015 có lập hợp đồng công chứng nhưng chưa sang tên.

Về bồi thường thiệt hại: Ông C là cha ruột của bị cáo A đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của phía gia đình bị hại số tiền 90.000.000 đồng gồm các khoản như: Tiền viện phí, tiền quan tài, tiền xây mồ mả, tiền tổ chức đám tang, tiền tổn thất tinh thần. Anh B hỗ trợ khắc phục cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại về phần bồi thường thiệt hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Y đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 6 năm 2017 bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo A 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Các phần khác của bản án không kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hiện trường, biên bản giám định pháp y, vật chứng thu được, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 59G1 - 277.90 không có giấy phép lái xe chở phía sau anh L1 vượt lên bên phải xe mô tô biển kiểm soát số 64V1 - 4225 đang chạy cùng chiều phía trước do anh B điều khiển chở L ngồi phía sau, làm cho phần xe bên trái của bị cáo A va chạm vào phần bên phải của xe do anh B điều khiển. Hậu quả chị L tử vong, anh L1, anh B và bị cáo bị xây xát nhẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây đau thương mất mát cho gia đình người bị hại. Bị cáo là người thành niên đủ nhận thức về việc khi tham gia giao thông phải thực hiện đúng quy định của pháp luật và phải có giấy phép lái xe, nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đề răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì ngày 12/6/2017, đại diện của bị hại không kháng cáo, nhưng có làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng mức án treo, tuy nhiên, bị cáo A đã gây cái chết cho chị L, đây là thiệt hại về tính mạng, nên dù đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng không được xem là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là đúng quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khi lượng hình cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 36/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND + CA TPVL: 02;
- Chi cục THADS TPVL: 02;
- TG + BC: 02;
- Phòng hồ sơ CAVL: 01
- STP: 01;
- NĐD BH: 02;
- NLQ: 03;
- Lưu VP: 01, lưu HS: 02.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

